

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2016

TS. Đặng Văn Lương*

Tóm tắt:

Năng suất lao động là chỉ tiêu hiệu quả sử dụng lao động sống, phản ánh quan hệ so sánh giữa một chỉ tiêu đầu ra (kết quả sản xuất) và một chỉ tiêu đầu vào (lao động sản xuất) và một chỉ tiêu đầu vào (lao động làm việc) tạo ra kết quả sản xuất đó. Bài viết phân tích năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2016.

Tăng năng suất lao động là tăng thêm kết quả làm ra từ một đơn vị lao động (đơn vị đầu vào), hoặc giảm bớt lao động hao phí để làm ra một đơn vị kết quả sản xuất (đơn vị đầu ra). Do vậy, tăng năng suất lao động có ý nghĩa rất lớn, là nhân tố quan trọng để tăng thêm sản phẩm cho xã hội, là cơ sở để hạ giá thành, tăng tích lũy góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân. Chỉ có phát triển nhờ vào tăng năng suất lao động mới đảm bảo phát triển bền vững, phát triển có chất lượng cao.

Tùy theo mục đích nghiên cứu và tính chất hạch toán của mỗi nước, mỗi thời kỳ khác nhau mà năng suất lao động được tính theo các chỉ tiêu đầu ra khác nhau. Ở Việt Nam hiện nay, trong phạm vi toàn nền kinh tế quốc dân, năng suất lao động (các văn bản của ngành Thống kê gọi là năng suất lao động xã hội) được tính toán theo đầu ra là tổng sản phẩm trong nước (GDP).

Tính theo giá thực tế (giá hiện hành) năng suất lao động của Việt Nam năm 2011 đạt 55,22 triệu đồng/người, năm 2013 đạt 68,65 triệu đồng/người, năm 2015 đạt 79,35 triệu đồng/người và năm 2016 đạt 84,47 triệu đồng/người. Năng suất lao động của

Việt Nam năm 2016 đổi qua đô la Mỹ theo tỷ giá hối đoái là 3.853 USD/người.

Nhìn chung năng suất lao động của Việt Nam trong 6 năm trở lại đây đã tăng dần qua các năm, và đã đạt được kết quả đáng phấn khởi. Tuy nhiên so với các nước ở châu Á và khu vực thì năng suất lao động của Việt Nam đạt được còn ở mức thấp.

Năm 2014, trong số 13 nước của châu Á và khu vực gồm: Singapore, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan, Indonexia, Trung Quốc, Philippin, Lào, Việt Nam, Myanmar và Campuchia, thì Việt Nam là nước có mức năng suất lao động, tính theo phương pháp sức mua tương đương, đứng ở vị trí thứ 10 tương đương với Trung Quốc và cao hơn 2 nước là Myanmar và Campuchia, còn thấp hơn 9 nước còn lại. Cụ thể là mức tăng năng suất lao động của Việt Nam bằng 7,2% năng suất lao động của Singapore (nước có năng suất lao động cao nhất trong số 13 nước kể trên). Từ năm 2014 đến năm 2016, tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam cao hơn tốc độ tăng bình quân năm của 3 năm trước (5,56% so với 3,46%) nhưng mức đạt được vẫn chưa có thể thay đổi được vị trí xếp hạng mức năng suất lao động năm 2014.

* Đại học Thương mại

➤➤➤ NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

Khi phân theo khu vực kinh tế (chúng tôi gọi là nhóm ngành kinh tế): Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp - Xây dựng và Dịch vụ. Nghiên cứu quan hệ giữa năng suất lao động của các nhóm ngành kinh tế thấy rằng nhóm ngành Công nghiệp - Xây dựng luôn có mức năng suất lao động đạt cao nhất, sau đến năng suất lao động của nhóm ngành Dịch vụ và thấp nhất là năng suất lao động của nhóm ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản.

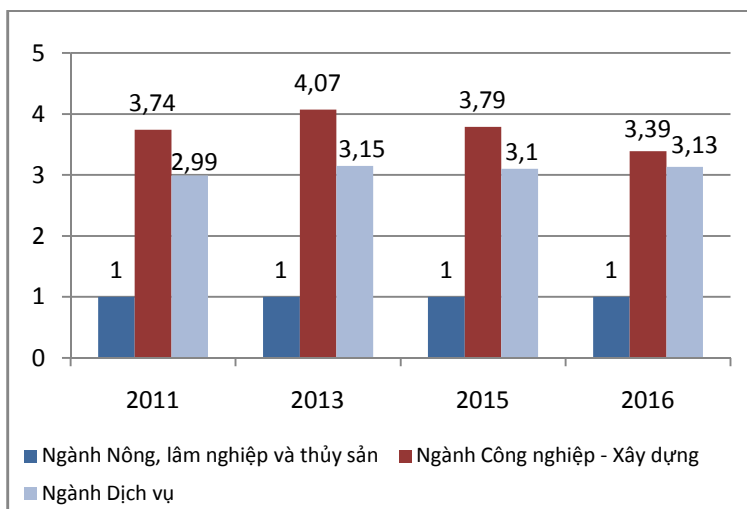
Theo số liệu năng suất lao động năm 2016, đem chia năng suất lao động của các nhóm ngành có mức năng suất lao động cao hơn cho nhóm ngành kinh tế có mức năng suất lao động thấp nhất (nhóm ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản), thấy rằng năng suất lao động nhóm ngành Công nghiệp - Xây dựng cao gấp 3,39 lần và năng suất lao động của nhóm ngành Dịch vụ cao gấp 3,14 lần. Quan hệ về năng suất lao động của 3 nhóm ngành như trên lần lượt là: 1 - 3,74 - 2,99 (năm 2011); 1 - 4,07 - 3,15 (năm 2013); 1 - 3,79 - 3,1 (năm 2015) và 1 - 3,99 - 3,13 (năm 2016).

Như vậy, mức năng suất lao động giữa các nhóm ngành kinh tế của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2016 vẫn còn sự chênh lệch đáng kể và sự chênh lệch này không có sự thay đổi nhiều qua các năm.

Có thể mô tả mối quan hệ về năng suất lao động giữa 3 nhóm ngành từ năm 2011 đến năm 2016 qua Hình 1.

Hình 1: Quan hệ về năng suất lao động giữa các nhóm ngành qua các năm

Đơn vị tính: Lần



Nguồn: Tác giả tính toán từ Niên giám Thống kê các năm

Khi nghiên cứu xu thế biến động của năng suất lao động (năng suất lao động tính bằng đồng Việt Nam theo giá so sánh năm 2010), thấy rằng năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2016 có xu hướng biến động tích cực: Tốc độ tăng đạt 3,5% năm 2011 và giảm xuống còn tăng 3,05% năm 2012 (năm có tốc độ tăng năng suất lao động thấp nhất của 6 năm), sau đó năm 2013 tăng 3,83%, năm 2014 tăng 4,91%, năm 2015 tăng 6,5% và năm 2016 tăng 5,27%.

Tính bình quân chung cả giai đoạn 2011-2015 tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam đạt 4,35%. So với tốc độ tăng bình quân năm giai đoạn 2006-2010 tăng cao hơn 0,91%, đây là kết quả đáng phấn khởi. Riêng năm 2016, tốc độ tăng năng suất lao động đạt 5,27%, cao hơn mức bình quân chung 2011-2016 là 0,92%.

Xét trên quan hệ ảnh hưởng của nhân tố tăng năng suất lao động và tăng số lượng lao động làm việc đến tăng trưởng GDP thì giai đoạn 2011-2015, tăng năng suất lao động đã làm GDP tăng 4,41%, với tỷ phần đóng góp là 74,12% ($4,41:5,91 \times 100$) và tăng số lượng lao động làm việc đã làm GDP tăng 1,5%, với tỷ phần đóng góp là 25,38% ($1,5:5,91 \times 100$). Riêng

năm 2016, tăng năng suất lao động làm GDP tăng 5,33%, với tỷ phần đóng góp 85,83% (5,33 : 6,21x100) và tăng số lượng lao động làm GDP tăng 0,88%, với tỷ phần đóng góp 14,17% (0,88 : 6,21 x 100). So với giai đoạn 2006-2010, tăng năng suất lao động của giai đoạn 2011-2015 cũng như năm 2016 đóng góp vào GDP tăng nhiều hơn (giai đoạn 2006-2010 tăng năng suất lao động đã làm GDP tăng 3,55%, với tỷ phần đóng góp là 56,17% và tăng số lượng lao động đã làm GDP tăng 2,77% với tỷ phần đóng góp là 43,83%).

Tóm lại, năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua liên tục tăng lên qua các năm và có mức tăng đáng kể. Xét quan hệ với tốc độ tăng lao động thì tăng năng suất lao động đã đóng góp tỷ phần quan trọng vào tăng GDP. Tuy nhiên, mức năng suất lao động đạt được của Việt Nam còn thấp, nhất là khi so sánh năng suất lao động của Việt Nam với các nước, và còn có sự chênh lệch đáng kể giữa các nhóm ngành, trong đó năng suất lao động của nhóm ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản còn quá thấp (nhóm ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng lao động khá cao, tuy đã giảm đi trong thời gian gần đây nhưng vẫn còn tới 44% vào năm 2015 và 42% năm 2016 trong tổng số lao động làm việc, điều này đã ảnh hưởng đáng kể đến mức năng suất lao động bình quân chung toàn nền kinh tế quốc dân).

Để không ngừng nâng cao năng suất lao động của các ngành, các khu vực cũng như chung toàn nền kinh tế quốc dân trong những năm tới, tác giả đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác truyền thông làm cho các ngành, các cấp, các đơn vị và mỗi người lao động hiểu rõ ý nghĩa quan trọng của tăng năng suất lao động; thường

xuyên vận động đẩy mạnh phong trào tăng năng suất để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi người trong việc phấn đấu nâng cao hiệu suất công tác và năng suất lao động. Mỗi người, mỗi đơn vị cũng như mỗi ngành có được nhận thức đúng thì sẽ có hành động phấn đấu nâng cao năng suất lao động.

Thứ hai, cần quan tâm hơn nữa đến việc đo lường tính toán năng suất lao động. Có tính toán được năng suất lao động thì mới có cơ sở để đánh giá phân tích năng suất lao động của từng đơn vị cũng như mỗi ngành và toàn nền kinh tế quốc dân của Việt Nam, biết được mức năng suất lao động hiện đang ở đâu, biến động qua các năm ra sao (tăng hay giảm và tăng giảm bao nhiêu, do tác động của các nhân tố nào, từ đó mới có được những căn cứ để đề xuất những biện pháp hữu hiệu để phấn đấu không ngừng nâng cao năng suất lao động.

Thứ ba, tăng cường đầu tư cho sản xuất kinh doanh, chú trọng đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm; phân bổ hợp lý vốn đầu tư giữa các ngành, các khu vực, đồng thời tăng cường hơn nữa công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, hạn chế làm thất thoát và lãng phí vốn.

Thứ tư, khuyến khích sản xuất những ngành, những loại sản phẩm có giá trị cao, đạt thương hiệu quốc gia và quốc tế. Sản phẩm có giá trị kinh tế cao sẽ có doanh thu lớn. Doanh thu lớn tất nhiên có giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm lớn.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chuyển bớt lao động của những ngành, những khu vực có năng suất lao động thấp sang những ngành những khu vực có năng suất lao động cao để tạo ra năng suất lao động chung (năng suất lao động bình quân trên nền kinh tế) cao hơn.

(Xem tiếp trang 12)

Tiếp theo trang 15

Thứ sáu, đối với những ngành của Việt Nam hiện nay như: Dệt may, da giày, cơ khí... chỉ mới đảm nhận một số khâu công việc của quá trình sản xuất dưới hình thức gia công, lắp ráp... và mới tạo ra tỷ lệ giá trị tăng thêm trong toàn bộ giá trị của sản phẩm là rất thấp; thì cần phải chú ý đầu tư phát triển công nghệ, nâng cao trình độ của người lao động để tiến tới đảm nhận được những công việc quan trọng hơn, tạo ra tỷ lệ giá trị tăng thêm cao hơn. Khi có tỷ lệ giá trị tăng thêm cao hơn thì sẽ có năng suất lao động tính theo giá trị tăng thêm lớn hơn.

Thứ bảy, đẩy mạnh đào tạo nhân lực có trình độ cao, đặc biệt chú trọng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân kỹ thuật, bảo đảm cân đối lực lượng lao động theo trình độ. Trong điều kiện hiện nay phải hết sức chú trọng đến chất lượng đào tạo; tránh tình trạng chạy theo số lượng mà ít chú ý đến

chất lượng. Mặt khác, cần chú trọng hơn nữa công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng lực lượng lao động hiện có, đảm bảo người lao động làm việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo và vị trí việc làm (hạn chế những trường hợp lao động có trình độ cao nhưng lại được phân công làm những công việc cần trình độ thấp).

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2012), *Lý thuyết Thống kê*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
2. PGS.TS. Tăng Văn Khiên (2015), *Phân tích Thống kê - Lý thuyết và ứng dụng*, Nhà xuất bản Thống kê;
3. Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê* qua các năm.